Người ký: Sở Tư pháp
Email: tuphap@tuyenquang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Tuyên Quang
Thời gian ký: 25.09.2019 11:21:17 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32 /2013/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 20 tháng 12 năm 2013*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH T.QUANG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 06
Ngày 02 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 263/TTr- SNV ngày 03/12/2013 về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2014.

Bãi bỏ những quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2010/QĐ-UBND ngày 26/02/2010 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở; Thủ trưởng ban, ngành; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; người đứng đầu hội và tổ chức phi chính phủ được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập và giao số lượng người làm việc hoặc được bố trí cán bộ chuyên trách, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy, UB kiểm tra Tỉnh ủy;
- Công báo TQ; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, NV.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Chẩu Văn Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp quản lý cán bộ, công chức
(Kèm theo Quyết định số 32 /2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức trong cơ quan chuyên môn, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, hội và tổ chức phi chính phủ được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập và giao số lượng người làm việc hoặc được bố trí cán bộ chuyên trách (*sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức*); Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố (*gọi tắt là Uỷ ban nhân dân cấp huyện*).

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

1. Đảm bảo đúng quy định của pháp luật, sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Đảm bảo sự quản lý tập trung thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh; tạo sự chủ động của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức gắn với việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra.

Điều 3. Nội dung phân cấp quản lý

1. Tuyển dụng, sử dụng công chức.

2. Thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức.

3. Thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ; chế độ thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức.

4. Kỷ luật công chức.

5. Quy hoạch công chức giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức.

7. Các nội dung quản lý cán bộ, công chức không quy định tại Quy định này, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Danh mục chức vụ, chức danh cán bộ, công chức phân cấp quản lý

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Giám đốc bệnh viện tuyến tỉnh; Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh và Trung tâm phòng chống bệnh xã hội tỉnh thuộc Sở Y tế; Hiệu trưởng trường trung cấp Y tế; Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh.

4. Chi cục trưởng, Trưởng ban thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; Phó chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Phó Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường.

5. Phó Chi cục trưởng, Phó Trưởng ban, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

6. Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính cấp tỉnh.

7. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc chi cục, ban trong cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

8. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

9. Công chức được luân chuyển giữ chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch hội, tổ chức phi chính phủ có phạm vi hoạt động trong tỉnh được giao số lượng người làm việc hoặc được bố trí cán bộ chuyên trách.

10. Công chức có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II.

11. Công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

12. Công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương.

13. Công chức ngạch chuyên viên và tương đương.

14. Công chức ngạch cán sự hoặc tương đương và ngạch nhân viên.

Chương II
PHÂN CẤP QUẢN LÝ

Điều 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định các nội dung:

a) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho từ chức, kỷ luật, nghỉ hưu, thôi việc đối với cán bộ, công chức quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 11 Điều 4 Quy định này;

b) Bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch công chức, nâng lương, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ, công chức quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 4 Quy định này; nâng lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức quy định tại khoản 11 Điều 4 Quy định này.

c) Phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; cử hoặc ủy quyền cho đơn vị trực thuộc trong việc cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng, công tác ở nước ngoài.

d) Cử cán bộ, công chức quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, Điều 4 Quy định này đi đào tạo, bồi dưỡng; cán bộ, công chức đi đào tạo tiến sĩ; phê duyệt danh sách cán bộ, công chức được cử đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên chính;

đ) Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức.

g) Cử công chức dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính và tương đương, lên ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

2. Tổ chức tuyển dụng công chức; thi nâng ngạch công chức lên ngạch cán sự và tương đương, lên ngạch chuyên viên và tương đương.

3. Giới thiệu nhân sự để bầu hoặc bãi nhiệm; quyết định kỷ luật, nghỉ hưu, thôi việc đối với chức danh quy định tại khoản 9 Điều 4 Quy định này.

4. Đánh giá, phân loại đối với các chức danh quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Quy định này.

5. Cho ý kiến về việc:

a) Thôi việc, điều động công chức quy định tại khoản 10, 12 Điều 4 Quy định này ra ngoài tỉnh;

b) Điều động công chức quy định tại khoản 10 Điều 4 Quy định này giữa các sở, ban ngành trong tỉnh, Uỷ ban nhân dân cấp huyện;

Điều 6. Giám đốc Sở Nội vụ

1. Xây dựng, thẩm định trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc cho ý kiến các nội dung quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Thẩm định danh sách cán bộ, công chức được cử đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên trở xuống, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo kế hoạch đã được Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh phê duyệt.

3. Quản lý sơ yếu lý lịch, số hiệu công chức, cấp thẻ công chức; phát hành hồ sơ dự tuyển công chức.

4. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về cán bộ, công chức theo quy định.

Điều 7. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc cho ý kiến các nội dung quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Quyết định các nội dung:

a) Tuyển dụng công chức theo Quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh các nội dung quy định tại khoản 5, Điều 5 Quy định này;

c) Đánh giá, phân loại, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp nhận cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, cho thôi việc, nghỉ hưu, đình chỉ công tác, kỷ luật, thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với công chức không thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống; nâng ngạch đối với cán bộ, công chức sau khi có kết quả thi nâng ngạch của cấp có thẩm quyền đối với các chức danh quy định tại khoản 4, 5, 6, 7, 10, 12, 13, 14 Điều 4 Quy định này (*trừ ngạch thanh tra viên*);

3. Quy hoạch các chức danh lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 4 Quy định này;

4. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê và quản lý hồ sơ công chức theo quy định.

Điều 8. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện

1. Trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc cho ý kiến các nội dung tại Điều 5 Quy định này.

2. Quyết định các nội dung:

a) Tuyển dụng công chức theo Quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 5 Quy định này;

c) Đánh giá, phân loại, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp nhận cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, cho thôi việc, nghỉ hưu, đình chỉ công tác, kỷ luật, thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với công chức không thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống; nâng ngạch đối với cán bộ, công chức sau khi có kết quả thi nâng ngạch của cấp có thẩm quyền đối với các chức danh quy định tại khoản khoản 8, 10, 12, 13, 14 Điều 4 Quy định này (*trừ ngạch thanh tra viên*);

3. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê và quản lý hồ sơ công chức theo quy định.

Điều 9. Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm

1. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp nhận cho từ chức đối với cấp trưởng, cấp phó của các phòng, các đơn vị trực thuộc Chi cục Kiểm lâm sau khi có ý kiến bằng văn bản của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức trong nội bộ Chi cục Kiểm lâm. Thực hiện việc quản lý cán bộ theo phân công, phân cấp của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm Quy định này.

Các quyết định về công tác cán bộ, công chức phải gửi về Sở Nội vụ để theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Giám đốc Sở Nội vụ kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Quy định này; kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị bãi bỏ quyết định không đúng thẩm quyền hoặc trái quy định của Nhà nước về quản lý cán bộ, công chức; trường hợp không bãi bỏ thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý theo quy định./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Chẩu Văn Lâm